Biểu mẫu 11

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 1
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ VĂN LANG

THÔNG BÁO

Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông, Năm học 2022 – 2023

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	**Số phòng học**	15	Số m^2/học sinh
II	**Loại phòng học**		-
1	Phòng học kiên cố	15	-
2	Phòng học bán kiên cố	0	-
3	Phòng học tạm	0	-
4	Phòng học nhờ	0	-
5	Số phòng học bộ môn	03	-
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	01	-
7	Bình quân lớp/phòng học	19/15	-
8	Bình quân học sinh/lớp	36	-
III	**Số điểm trường**	1	-
IV	**Tổng số diện tích đất** (m^2)	1009 m^2	1.46
V	**Tổng diện tích sân chơi, bãi tập** (m^2)	313 m^2	0.45
VI	**Tổng diện tích các phòng**	888,5 m^2	1.15
1	Diện tích phòng học (m^2)	722 m^2	1.04
2	Diện tích phòng học bộ môn (m^2)	153 m^2	0.22
3	Diện tích thư viện (m^2)	46 m^2	0.07
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m^2)	00	
5	*Diện tích phòng hoạt động Đoàn Đội, phòng truyền thống (m^2)*	12 m^2	0.02
VII	**Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu** (Đơn vị tính: bộ)	**66**	Số bộ/lớp

1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định	66	3.5
1.1	Khối lớp 6	16	4
1.2	Khối lớp 7	15	3
1.3	Khối lớp 8	18	3,6
1.4	Khối lớp 9	17	3.4
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định	0	
2.1	Khối lớp 6	0	
2.2	Khối lớp 7	0	
2.3	Khối lớp 8	0	
2.4	Khối lớp 9	0	
3	Khu vườn sinh vật, vườn địa lí (diện tích/thiết bị)	15 m^2	-

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
VIII	**Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập** (Đơn vị tính: bộ)	32	Số học sinh/bộ
IX	**Tổng số thiết bị dùng chung khác**	14	Số thiết bị/lớp
1	**Ti vi**	01	
2	**Cát xét**	03	
3	**Loa**	03	
4	**Máy chiếu OverHead/projector/vật thể**	04	
5	**Bảng tương tác**	02	

IX	**Tổng số thiết bị đang sử dụng**	13	Số thiết bị/lớp
1	Loa	03	
2	Cát xét	03	
3	Bảng tương tác	02	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	04	

	Nội dung	Số lượng(m^2)
X	Nhà bếp	9 m^2
XI	Nhà ăn	143.4 m^2

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m^2)	Số chỗ	Diện tích Bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	439 m^2	277	1.58
XIII	Khu nội trú			

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	02	02
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*		

(Theo Thông tư số 12/2001/TT-BGDĐT ngày 28/3/2011 của Bộ GDDT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trung học phổ thông có nhiều cấp học và Thông tư 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu – điều kiện đảm bảo hợp vệ sinh)*

	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	X	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	X	
XVII	Kết nối internet (ADSL)	X	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	X	
XIX	Tường rào xây	X	

Quận 1, ngày 03 tháng 10 năm 2022

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ VĂN LANG

Trần Ngọc Lâm